



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DINH THUC
Last Middle First

Current Address 21 B Mac Thi Bui Banmethuot Daklak Viet Nam

Date of Birth 02-02-1948 Place of Birth Nghia Binh

Previous Occupation (before 1975) V. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 03-22-75 To 11-02-1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI TUYET	1957	wife
NGUYEN DINH TUNG	1982	son
NGUYEN THI THUY DUNG	1985	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC ARMED FORCE OF VIETNAM
R.A.F.V.N JOINT STAFF
R.A.F.V.N MILITARY POLICE HEADQUARTERS (A.P.O. 4002/QC)

MILITARY MISSION PHYSIOGNOMY " C "



Full name : NGUYEN DINH THAG
Rank : First Lieutenant
S . N : 68/406.761
Last title : 23rd C.I.D Detachment (II Corps)
Resources : 6/68 Infantry officer session
. Aug/20/1968 to received a call to arms .
Aug/1968 - Dec/1968 : Attended 6/68 Infantry officer session
at Thủ Đức infantry academy .
. Dec/1968 : Graduation with had been promoted to the rank of
aspirant and moved belongs to strength of R.A.F.V.N Military police
Headquarters - A.P.O 4002/QC .
. Jan/ 1969 - Oct/1969 : Moved to worked at 2nd M.P Battalion
in Pleiku province on central high land (II Corps) with title
deputy C.2 M.P . CO Commander A.P.O 3209 .
. Oct/1969 - Dec/1969 : Attended 3/69 MP Officer session at
Vũng Tàu M.P Academy (Beach City , III Corps) .
. Jun/20/1970 had been promoted to the rank of 2/LT .
. Dec/1969 - Aug/1971 : worked at central P.W.Camp on Phú Quốc
Island with the title oprating officer .
(M.A.G.V / MP Advisory team ; 14 The board of director MAJ. Kentned)
IV Corps) .
. Aug/1971 - Nov/1971 : Attended 3/71 C.I.D officer session at
Vũng Tàu M.P Academy .
. Dec/1971 - May/1972 : moved to worked at 21rd C.I.D .
Detachment on central high land with the title inspective officer
. Jun/20/1972 : Had been promoted to the rank 1/LT .
. Only/1972 - Mar/10.1975 : Moved to worked at 23rd C.I.D .
Central high land A.P.O. 3093 with the title 23rd C.I.D .
detachment inspective officer (II Corps)
. Mar/10/1975 captured by enemy in contact at Ban Mê Thuột battle
on central high land . After interrogation enemy fling into prison
in enemy A.90/BAH camp (Ban Larc province) . Sep/ngiht 28/1975
moved to 51st enemy P.W .Camp in CUNG-SON area , SON HOÀ district,
PHÚ YÊN province . Oct/1978 moved to A.30 prisoner camp in PHÚ YÊN
province also Dec/1981 moved to Ban Mê Thuột province for to worked in
lumber manufactory as a labor .

Limoges 19-12-89

Kính Gởi Bà Khúc Minh Thảo

Thưa Bà tôi có người thân còn ở Việt Nam tên là
Nguyễn Đình Thạc, Anh ấy được trả tự do
1982 cho đến nay đã nhiều năm hiện nay
đang làm cho tổ hợp của Công ty Banmethuot
Vừa qua Ông có nhờ tôi chuyển thư sang cho
Bà để nhờ Bà và nhà nước Hoa Kỳ can thiệp
để anh ấy được ra đi.

Nếu như sự tin tức này là đúng như sẽ thật
thì xin Bà hãy bỏ ít thì giờ cho tôi rõ
theo thủ tục hồ sơ Anh ấy phải làm gì
để thủ tục cho được nhanh chóng

Tôi cầu mong Bà giúp đỡ cho, Thành thật
xin cảm ơn Bà trước

xin him lạc thư cho chị này

Mme. GUYENNE paula Marie

B e

LÝ LỊCH

Họ Tên: Nguyễn - Diên - Thạc

Sinh ngày: 02-02-1948

Nơi Sinh: Xã Thước Tín, huyện Mỹ Lộc, Hà² Nam, Tỉnh² Hà Nam, Nam Việt Nam

1948-1954: Thời kỳ thơ ấu ở² với cha mẹ

1954-1960: Theo học cấp Tiểu học và Trung học tại Trường Thủ Khoa Huân, Nam VN

1960-1964: Theo học Trường Đại học Saigon

1964-1966: Làm việc cho Cơ quan Viện Trại kinh Tế Hoa Kỳ ở² Việt Nam (USAID) United States Agency For International Development thuộc Thước U.S. Embassy. Gần đó trực tiếp Mrs. Robert F. Mc Hai diễn Thủ Khoa Huân. Mỗi làm việc tại đây với đã học với chức vị là Thợ và Phiên dịch, (Interpreter and Translator) Tòa Thủ Khoa Huân cũ².

1966-1968: Làm thợ dịch và Phiên dịch mặt tra (Field interpreter/Tractor). Cho Cơ quan Military AEC Command Việt Nam (M.A.C.V) Advisory Team # 3. Cố vấn Trại LT./Col. Menon. Cố vấn Trại Khu Hoa (Khu Trại). Làm việc trực tiếp với Capt. James E. Smock và I/LT. Robert G. FAZ Cố vấn S. 3 (Phong 3) Trại Khu Hoa.

Tháng 8/1968 đã theo học khóa C/8 Sĩ quan Bô Binh Thủ Đức. Tháng 12/68 ra trường với cấp bậc chuẩn úy và sĩ quan Bô BCH (Quân Cảnh OLIVET). Từ Tháng 1/69 làm việc tại Trại huấn luyện 2 Quân Cảnh tại Trại Pleiku thuộc Quân Đoàn II. Với chức vụ Đại Đội Phó và Sĩ Quan Cảnh.

- 20 Tháng 8/1970 thăng cấp Thiếu úy.
- Tháng 12/1969 đến tháng 8/1971 chuyển chuyển về làm việc tại BCH Trại giam Tù Bins Trung ương ở Lào Pôn với chức vụ Sĩ quan điều hành và Truyền Dã. Làm việc tiếp với Toán cô vấn (Advisory Team #11 Maj. Kennedy).
- Tháng 8/1971 đến tháng 11/1971 theo học khóa 3/71 Sĩ quan quân Cảnh tại Fap tại Trường Quân Cảnh Việt Nam.
- Tháng 12/1971 đến tháng 5/1972 chuyển chuyển làm việc tại Thăm dò 21 Quân Cảnh Thủ Đức ở Đức.
- Tháng 6/1972: thăng cấp Trung úy.
- Tháng 7/1972 đến tháng 3/1975 chuyển chuyển về làm việc tại Thăm dò 23 Quân Cảnh Thủ Đức ở Kanamethi.
- Ngày 12/3/1975 bị bắt tại mặt trận trong một cuộc giao tranh trong khu vực chiến trường Banamethi trên nguyên Thủy Phần. Giam tại trại Tù Bins A.90 trong tỉnh Darlanc.
- Tháng 9/1975 di chuyển về Trại 51 Tổng Trại 5 Tù Bins trong khu vực Camp Côn thuộc Tỉnh Pôn.
- Tháng 10/1975 di chuyển về trại Tù A.30 Camp Trung Dã Pôn Yên.
- Ngày 2-11-1980 thả ra giam, lấy cho đến 20-1-1981 chính thức trả tự do.

South VIET NAM , Jun . 18/1989

/M MEMORANDUM

FROM : I/LT NGUYỄN DINH THẠC , SN.68/406761
VN/ARMY / ME / CID .
23 nd CID DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093

TO : US.PRESIDENT OFFICE
US CONGRESS
FAMILIES VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

SUBJECT : REQUEST FOR REFUGEE AT UNITED STATES OF AMERICA

SIGNATURE

An E. C. C. C.

LIMOGES
BEAUBREUIL

REPUBLIQUE
FRANCAISE

27/12/89 12H 0010.20

87033

POSTES
602 PC87944

LA POSTE



TO: MR: KHUC MINH THO

Families of Vietnamese political
prisoners Association

P-O BOX 5435 Arlington

VA 22205-0635

U-S-A

JAN 20 1990

South VIET NAM , Jun . 18/1989

MEMORANDUM

FROM : I/LT NGUYỄN ĐÌNH THẠC , SN.68/406761
VN/ARMY / MP / CID .
23 nd CID DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093

TO : US.PRESIDENT OFFICE
US CONGRESS
FAMILIES VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

SUBJECT : REQUESTE FOR REFUGEE AT UNITED STATES OF AMERICA

SIGNATURE

N D Thac



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN ĐÌNH THẠC
Last Middle First

Current Address: 21 B, Mạc Thị Bưởi, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk, SOUTH VN

Date of Birth: 02.02.1948 Place of Birth: Thành Tín, Nghĩa Hành, Quảng-
Ngãi, South Việt Nam

Previous Occupation (before 1975) 1/Lt .SN, 68/406.761
(Rank & Position) 23rd MP/CID DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From Mar.22/1975 To Nov.28/1980
Years: 5 Months: 5 Days: 6

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ BÈ (Goyenne Paule Marie)
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number Relationship

ROBBER F.MOTT (from 1964 to 1966 He WAS Cam Ranh

City representative) USAID Director

I/LT. ROBBER G. FAZZEN (1967-1968 HE ADVISED S3 BOARD

KHÁNH HOÀ SECTOR NHA TRANG, ADVISORI TEAM # 35 MAOV

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: JUN . 18/1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
TRẦN THỊ TUYẾT	10.01.1951	WIFE
NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	08.01.1982	son
NGUYỄN THỊ THUY DUNG	14.07.1985	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

1964 - 1966 : I worked as INTER./TRANSFER. FOR U.S . AGENCY FOR INTERNATIONAL DEVELOPMENT (USAID) AT CAM RANH City . Board of directors : Mr. Robber F. MOTT (US citizen) Cam ranh City representaty .

1966 - 1968 I worked for Military Assistance Command VIET NAM (Macv) as INTER./TRANSFER. Advisory team # 35 . Team chief was LT/COL. MENONE . Direct board was I/LT. ROBBER G. FAZZEN S3 advisor .

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN ĐÌNH THẠC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : Feb 02 1948
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
ADDRESS IN VIETNAM : 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk, South Việt Nam
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): Mar. 22/1975 To (Den): Nov. 28/80
PLACE OF RE-EDUCATION: CÔNG SON PW.CAMP : from Mar./22/1975 to Nov. 28/1978
CAMP (Trai tu) A.30 political camp from/Nov./1978 to Nov.28/1980
PROFESSION (Nghe nghiep): driver
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): I/LT . SN.68/406761 VN ARMY /MP/CID
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): 23 nd MP/CID
DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093 Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): X
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê-
Thuột, Đắk Lắk, South Việt Nam
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYỄN THỊ BÈ (Goyenne Paule Marie)
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Girl Friend
NAME & SIGNATURE: NGUYỄN ĐÌNH THẠC, 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT South Việt Nam
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
DATE: JUN 18 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
TRẦN THỊ TUYẾT	10.01.1951	WIFE
NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	08.01.1982	SON
NGUYỄN THỊ THỦY DUNG	14.07.1985	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

1964-1966 : I worked as INTER./TRANSFER FOR U.S AGENCY FOR INTERNATIONAL DEVELOPMENT (USAID) AT CAM RANH CITY . BOARD OF DIRECTORS : Mr. ROBBE F. MOTT (US citizen) CAM RANH CITY REPRESENTATIVE .

1966-1968 : I worked for Military Assistance Command Việt-Nam (Macv) as INTER./TRANSFER . Advisory team # 35 . Team chief was LT/COL MENONE . Direct board was I/LT. ROBBE G. FAZZEN S3 advisor .

South VIỆT NAM , Jun . 18/1989

/M EMORANDUM

FROM : I/LT NGUYỄN ĐÌNH THẠC , SN.68/406761
VN/ARMY / MP / CID .
23 nd CID DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093

TO : US.PRESIDENT OFFICE ✓
US CONGRESS
FAMILIES VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

SUBJECT : REQUESTE FOR REFUGEE AT UNITED STATES OF AMERICA

SIGNATURE

N & Ular



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

NGUYỄN ĐÌNH THẠC
Middle First
Current Address: 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk, South Việt Nam
Date of Birth: 02.02.1948 Place of Birth: Thành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi, South Việt Nam
Previous Occupation (before 1975) I/Lt. SN. 68/406761
(Rank & Position) 23 nd MP/CID DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From Mar. 22/1975 To Nov. 28/1980
Years: 05 Months: 5 Days: 6

3. SPONSOR'S NAME:

NGUYỄN THỊ BÈ (Goyenne Paule Marie)
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>ROBBER F. MOTT (from 1964 to 1966 he was Cam Ranh City representative) USAID</u>	<u>Director</u>
<u>I/LT. ROBBE G. FAZZEN (1967-1968 HE ADVISED S3</u>	<u>BOARD</u>
<u>KHÁNH HOÀ SECTOR NHA TRANG / ADVISORY TEAM # 35 MACY</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: JUN. 18/1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
TRẦN THỊ TUYẾT	10.01.1951	WIFE
NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	08.01.1982	son
NGUYỄN THỊ THỦY DUNG	14.07.1985	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (If different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

1964 - 1966 : I worked as INTER./TRANSFER. FOR U.S . AGENCY FOR INTERNATIONAL DEVELOPMENT (USAID) AT CAM RANH City . Board of directors : Mr.Robber F. MOTT (US citizen) Cam ranh City representaty .

1966 - 1968 I worked for Military Assistance Command VIET NAM (MACV) as INTER./TRANSFER. Advisory team # 35 . Team chief was LT/COL.MENONE .Direct board was I/LT.ROBBE G.FAZZEN S3 advisor .

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DINH THAC
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Feb 02 1948
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê Thuột, Daklak, South Việt Nam
 (Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): Mar. 22/1975 To (Den): Nov. 28/80

PLACE OF RE-EDUCATION: CÔNG SON PW CAMP : from Mar./22/1975 to Nov. 28/1978
 CAMP (Trai tu) A.30 political camp from Nov./1978 to Nov.28/1980

PROFESSION (Nghe nghiep): driver

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): I/LT. SN.68/406761 VN ARMY /MP/CID
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ): 23 MP/CID

DETACHMENT INSPECT OFFICER APO.3093

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê-Thuột, Daklak, South Việt Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): NGUYỄN THỊ BÈ (Goyenne Paule Marie)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): girl friend

NAME & SIGNATURE: NGUYỄN DINH THAC
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT: 21 B Mạc Thị Bưởi, Ban Mê Thuột, Daklak
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) South Việt Nam

DATE: JUN 18 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
TRẦN THỊ TUYẾT	10.01.1951	WIFE
NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	08.01.1982	SON
NGUYỄN THỊ THUY DUNG	14.07.1985	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

1964-1966 : I worked as INTER./TRANSFER FOR U.S AGENCY FOR INTERNATIONAL DEVELOPMENT (USAID) AT CAM RANH CITY . BOARD OF DIRECTORS : Mr.ROBBIE F. MOTT (US citizen)CAM RANH CITY REPRESENTATIVE .

1966-1968 : I worked for Military Assistance Command Việt-Nam (Mao) as INTER./TRANSFER . Advisory team # 35 . Team chief was LT/COL McNamee . Direct board was I/LT.ROBBIE G.FAZZEN S3 advisor .

Số: 504 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29.12.1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên, nguy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại cải tạo A30 Ty công an Phú Khánh quản lý.

— Căn cứ quyết định số: 141/ĐD 30-9-1980 B. nội vụ
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1— Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây :

- Họ và tên: Nguyễn đình Thạch — Bí danh: _____
- Họ tên thường gọi: _____
- Sinh ngày: 02 tháng 02 năm 1948
- Sinh quán: Hành Tín, Nghĩa Bình
- Trú quán: Hành Tín, Nghĩa Mông, Nghĩa Bình
- Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh
- Tôn giáo: _____ — Đảng phái: _____
- + Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Trung úy - Sĩ quan thanh tra phân đội 23, quân cảnh tư pháp
- Ngày bị bắt hoặc TTCT: 22-3-1975
- Nay về cư trú tại: M. Phan Bội Châu, Bùn m. Thuật, P. Lai



2— Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 2 tháng 11 năm 1980

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Lấn tay ngón trỏ phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Danh bản số: _____

Lập tại: _____



TRẦN LUY HẠNH

REPUBLIC OF VIETNAM
 REPUBLIC ARMED FORCE OF VIETNAM
 R.A.F.V.N JOINT STAFF
 R.A.F.V.N MILITARY POLICE HEADQUARTERS (A.P.O. 4002/QC)

MILITARY MISSION PHYSIOGNOMY " C "



Full name : NGUYỄN ĐÌNH THẠC
 Rank : First Lieutenant
 S . N : 68/406.761
 Last tittle : 23^{ed} C.I.D Detachment (II Corps)
 Resources : 6/68 Infantry officer session
 . Aug/20/1968 to received a call to arms .
 Aug/1968 - Dec/1968 : Attended 6/68 Infantry officer session at Thủ Đức infantry academy .
 . Dec/1968 : Graduation with had been promoted to the rank of aspirant and moved belongs to trength of R.A.F.V.N Military police Headquarters - A.P.O 4002/QC .
 . Jan/ 1969 - Oct/1969 : Moved to worked at 2nd M.P Battalion in Pleiku province on central high land (II Cords) with tittle deputy C.2 M.P . CO Commander A.P.O 3209 .
 . Oct/1969 - Dec/1969 : Attended 3/69 MP Officer session at Vũng Tàu M.P Academy (Beach City , III Cords) .
 . Jun/20/1970 had been promoted to the rank of 2/LT .
 . Dec/1969 - Aug/1971 : worked at central P.W.Camp on Phú Quốc Island with the tittle oprating officer .
 (M.A.G.V / MP Advisory team # 14 The board of director MAJ. Kentnedy IV Cords) .
 . Aug/1971 - Nov/1971 : Attended 3/71 C.I.D officer session at Vũng Tàu M.P Academy .
 . Dec/1971 - May/1972 : moved to worked at 21^{rsd} C.I.D . Detachment on central hight land with the tittle inspective officer
 . Jun/20/1972 : Had been promoted to the rank 1/LT .
 . Only/1972 - Mar/10.1975 : Moved to worked at 23rd C.I.D . Central high land A.P.O. 3093 with the tittle 23nd C.I.D . detachment inspective offcier (II Corps)
 . Mar/10/1975 captured by enemy in contact at Ban Mê Thuột battle on central high land . After interrogation enemy fling into prison in enemy A.90/P in camp (Darlarc province) . Sep/ngiht 28/1975 moved to 51^{rst} enemy P.W .Camp in CUNG-SON area , SON HOÀ district, PHÚ YÊN province . Oct/1978 moved to A.30 prisoner camp in PHÚ YÊN province also Dec/1981 moved to Darlarc province for to worked in lumber manufactory as a labor .

REPUBLIC OF VIETNAM

RECORDS



Full name : NGUYỄN ĐÌNH THẠC
 Birth day : 02 - 02 - 1948
 Birth place: Quảng Ngãi province . S.VietNam .
 Nationlity : South VietNam .
 Present address : N^o 21 , Road Mạc-Thị Bưởi , Ban Mê Thuột City
 Daklăk province , South VIETNAM
 Wife's name : TRẦN-THỊ-TUYẾT (35 yeads old)
 Wife's Nationality: French .
 Children :
 - Boy : NGUYỄN ĐÌNH TÙNG (07 yearsold)
 - Girl : NGUYỄN THỊ DUNG (03 years old)

PERSONAL HISTORY

. 1948 - 1954 : Baby hood .
 . 1954 - 1960 : Attended primay and high school in Quảng-Ngãi province , South Viet^{Nam} .
 . 1960 - 1964 : Attended at SAIGON College .
 . 1964 - 1966 : Interpreted and translated for US Embassy(USAID)
 United State Agency for Internatonal development
 The board of director been Mr.Robber F.Mott (American) Cam Ranh City representtative .

The directly board been Mr.Robber G . Gordon (Australian) refugee responsible cadre .
 . 1966 - 1968 : Worked for M.A.G.V. (Military Assitance command Viet^{Nam}) withh titttle field inter (translator Advisory team # 35)
 Advised Khánh Hoà sector . The board of dirăctor been LT./Col ,Menona,
 the directly board been capt.James E.Snock I/LT, Robber G.Fazzen (S.3) . I/LT.Ross (S2) .

I Known I/LT ross loss in action on Tết Mậu Thân night contact.
 that night I had been ditty inter . I/LT Ross hadbeen duty officer .
 . 1968 - 1975 : To received a call to Arms and served in the Republic Armed force Of Vietnam .
 . 1975 - 1988 : Captured by enemy in contact at Ban-Mê-Thuột battle on central highland and had been detain ed in enemy P.W camps

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số 65/QĐ/UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Đắk Lắk, ngày 10 Tháng 01 năm 1982

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK.

- Căn cứ Sắc lệnh số 175/SL ngày 18/8/1953 của Chủ tịch
Nước quy định việc quản chế, nghị định 290/TTg ngày 18/8/1953
của Thủ Tướng chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa quy định
chi tiết thi hành việc quản chế,

- Căn cứ đề nghị của ủy ban nhân dân thị xã ban mê thuật,
nhân dân khối 4 phường thống nhất và sự phân đấu cải tạo của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 :

Ra lệnh thôi quản chế và khôi phục quyền công dân
cho anh NGUYỄN BÌNH THẠC Sinh 1945

Sinh quán: Hòa tín, Nghĩa bình.

Trá quán: 112 phân bối châu ban mê thuật.

nguyên cấp tội Trung úy quân cảnh ngụy
kể từ nay công bố quyết định này.

Điều 2 : Các ông chính văn phòng ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám

Đốc Công an tỉnh Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã BMT
Chủ tịch ủy ban nhân dân phường thống nhất và anh
NGUYỄN BÌNH THẠC chịu trách nhiệm thi hành quyết
định này.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ma Omis

Thư

MAT - TỬ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 220247727

Họ tên: NGUYỄN ĐÌNH THẠC

Sinh ngày: 02-2-1948

Nguyên quán: Hành Tín
Nghĩa Minh, Nghĩa Bình

Nơi thường trú: 112 Phan Bội
Châu, B.M.T. Đắk Lắk



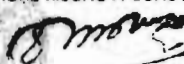
UBND phường Thống Nhất.
Sơ y bản chính.

ngày 28.8.83



Tham Châu Tuấn

Ngân An

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo chằm cách 6cm dưới sau quai mắt trái	
NGÓN TRỎ TRÁI		Ngày <u>5</u> tháng <u>3</u> năm 1982	
NGÓN TRỎ PHẢI		HỌ/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Va Nhật Hồng</i>	

[Faint circular stamp and handwritten notes at the bottom left of the page.]

Nhật Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 220027830

Họ tên TRẦN THỊ TUYẾT

Sinh ngày 15-10-1951

Nguyên quán Hương trà,

Bình trị Thiên.

Nơi thường trú 78 Xô Viết-
Nghệ tỉnh, BM Thuận, D. Lăk.

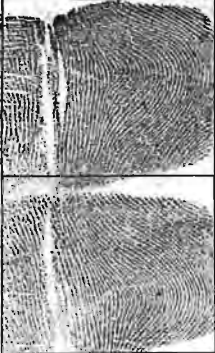


ỦSVP phường Thống Nhất.
Saoy bản chính.
ngày 28. 8. 83.



Phạm Châu Tuấn

1281 1244

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật giáo	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi cách lẹm trên trước mềp phải.	
		Ngày 17 tháng 4 năm 1978	
		KỶ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÓ TRƯỞNG TY  <i>[Signature]</i>	
		<i>Hồng Phúc</i>	



1281 1244

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Đông Hưng Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Đông Hà

Ngày

Tỉnh, Thành phố Đắk Lắk

Số 622

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Nguyễn Văn Toàn
Khang

Trần Thị Tuyết
Khang

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

02. 02. 1948

15. 10. 1951

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Kinh

Kinh

Việt Nam

Việt Nam

Thợ hồ

Nội trợ

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

112 Phan Bội
Châu Phan Hồ
Đắk Lắk

112 Phan Bội Châu
Đắk Lắk

2400 27880

Đăng ký ngày 03 tháng 03 năm 1961

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Đông Hưng

Nguyễn Văn Toàn

Trần Thị Tuyết

UBND Phường Thống Nhất

Sao 7 Bản Chính

Ngày 28. 8. 61

THƯỜNG ĐƯƠNG THÔNG NHẤT



Phan Châu Tuấn

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

KHÔNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TY CÔNG AN ĐẮK LẮK
CÔNG AN THỊ XÃ BAN MÊ THUỘT

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số ĐH0.135 CN

Họ và tên chủ hộ Nguyễn Đình Thạc

Số nhà 21B

Đường phố Đường Thị trấn

Phường Thị trấn

Thị xã Ban Mê Thuột

Tỉnh Đắk Lắk

Ban Mê Thuột, ngày 12 tháng 07 năm 19 85

Trưởng công an thị xã Ban Mê Thuột

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tệp số _____

Trang số _____

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... Thới Nhứt
Huyện, Quận... Bến Mả Thuột
Tỉnh, Thành phố... Đắk Lắk

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... 77
Quê số... 02



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Đình Thạc Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Mùng hai - tháng hai, năm một nghìn chín trăm tám mươi (02-02-1980)
Nơi sinh Xã Hài Tiến, huyện Krông An, tỉnh Quảng Ngãi
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Thái Thị Tở</u>	<u>Nguyễn Tấn</u>
Tuổi	<u>70 tuổi</u>	<u>70 tuổi</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>	<u>Nông</u>
Nơi thường trú	<u>Xã Hài Tiến, huyện Krông An, tỉnh Quảng Ngãi</u>	<u>Xã Hài Tiến, huyện Krông An, tỉnh Quảng Ngãi</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Tấn, ở Xã Hài Tiến, huyện Krông An, Tỉnh Quảng Ngãi. CMND số: 240027778

Người đứng khai

Thạc

Đăng ký ngày 21 tháng 8 năm 1987
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN Thới Nhứt

Phó Chủ tịch
Hồ Xuân Diễm
(Ký tên và đóng dấu)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 8 năm 87

Sau 30/4 1975 khai
Sinh gốc đã bị
thiến hủy



HỒ XUÂN DIỄM

BỘ TƯ PHÁP

HÒA GIẢI QUẬN BAN THỰC T

GIẤY THẾ VÌ :

cho : **TRẦN-THỊ-TU-YẾT**

SỐ 0447/KS



TRÍCH - LỤC VĂN - KIẾN

THẺ VÌ HỘ TỊCH LƯU TRỮ TẠI PHÒNG LỤC SỰ

HÒA GIẢI QUÂN BAN THƯỞNG

Một bản chính Giấy Thố-Vì : Khai-sanh

do THÀNH-BÁ-ĐẠT xin cấp được

Ông _____ Trung-Ủy TRINH-QUANG-NGOC

Quận-Trưởng Quân BAN VỆ THUẬT kiêm Tham-Phán.

Hòa-Giải lập ngày 4 tháng 2 năm 1964

và trước bạ

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

- | | | |
|------|----------------|---------|
| 1. - | LÊ DUOC | 26 tuổi |
| 2. - | TRAN-THI-SUONG | 22 tuổi |
| 3. - | LÊ-TRUNG-NHAI | 55 tuổi |

Những nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên thệ quả quyết và biết chắc rằng :

TRẦN THỊ TUYẾT (NỮ) sinh ngày mười lăm, tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi một (15/10/1951) Tại Xã Lạc-Giao, quận Banmethuot, Tỉnh Darlao? Con ông TRẦN-BÁ-DAT (Tự Quốc-Tuy) (S) và Bà NGUYỄN-THỊ-BA (Sống)

Đề bổ túc hồ sơ :

Lê phỉ

(1) Lập tại, số, ngày, tháng, năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Trích-Lục Y Bản Chánh

14/06/1971, ngày 14 tháng 6 năm 1971
THẨM PHÁN
HÒA GIẢI
V. Đ. 30 - N. Đ. 30 - R. 17

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Thị trấn Mỹ
Thị xã, Quận Quận Bình Chánh
Thành phố, Tỉnh Tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SA

GIẤY KHA



Số 2813

Quyển số 01

HỌ và TÊN	<u>NGUYỄN - ANH - TÙNG</u> Nam, nữ <u>Nam</u>	
Sinh ngày tháng năm	<u>Mười bốn tháng một năm một ngàn</u> <u>chín trăm tám mươi hai (01-01-1982)</u>	
Nơi sinh	<u>Khoá 1982, huyện Hoàng Đức, thị xã Bình Chánh</u> <u>huyện, tỉnh Bình Chánh</u>	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi hoặc ngày tháng năm sinh	<u>Nguyễn - Đình Thạc</u> <u>34 tuổi</u>	<u>Trần Thị Tuyết</u> <u>31 tuổi</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp, nơi Đ.K.N.K. thường trú	<u>Làm nông</u> <u>112. Phạm Văn Châu, BMT</u>	<u>Nữ làm nông</u> <u>112. Phạm Văn Châu, BMT</u>
Họ tên, tuổi, nơi Đ.K.N.K. thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C của người đứng khai	<u>Nguyễn Đình Thạc, 34 tuổi, ở 15' nhà 112</u> <u>Đường Phạm Văn Châu, Tổ 2, khu 4, Phường</u> <u>Thị trấn Mỹ, thị xã Bình Chánh, tỉnh</u> <u>Tên</u>	

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 02 năm 1982

TM. UBND Nguyễn Đình Chính (Ký tên, đóng dấu)



Đăng ký ngày 14 tháng 2 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

TM / UBND Phường Thị trấn Mỹ
Hoàng Đình Trí
(Đã ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Thống Nhất
Thị xã, Huyện Buôn Ma Thuột
Thành phố, Tỉnh Đắk Lắk

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BẢN SAO

Mẫu: HT2/P3

GIẤY KHAI SINH

Số: 431

Quyển số 04

HỌ VÀ TÊN	NGUYỄN - THỊ - THUỶ - DUNG	NỮ
Sinh ngày tháng năm	14 - 07 - 1985	
Nơi sinh	Buôn ma thuột	
Khai về Cha, Mẹ	CHA	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn - Đình - Thạc 1948	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	Kinh Việt nam
Nghề nghiệp nơi ĐK. N. khẩu thường trú	Xã viên HTX Hồng Lĩnh 31 B Mạc - Thị - Bình	Nhóm viên y tế phường Tân Tiến 31 B Mạc - Thị - Bình
Họ tên, tuổi nơi ĐK. N. khẩu thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C của người đứng khai.	Trần - Thị - Tuyết 31 B Mạc - Thị - Bình	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 20 tháng 8 năm 1985
TM. UBND [Signature]
(Ký tên, Công dấu, ghi rõ chức vụ)

Đăng ký, ngày 23 tháng 8 năm 1985

TM. UBND Phường Thống Nhất
KT Chu Văn Thạc
Ủy viên Thư ký
(Ký tên và đóng dấu)



NGUYỄN VĂN THÀNH



CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

10/27/89

CONTROL

☒ Card
☐ Doc. Request; Form 2 | 21 | 90
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter